

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ LỢI 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 490/BC-THPL2

Phú Lợi, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Trường Tiểu học Phú Lợi 2

2. Địa chỉ: Đường Mỹ Phước - Tân Vạn, Khu phố 8, Phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

- Điện thoại: 0274.2200869.

- Website: thphuloi2.tptdm.edu.vn

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Dầu Một

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Phú Lợi 2 tọa lạc tại Đường Mỹ Phước - Tân Vạn, Khu phố 8, Phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

- Trường Tiểu học Phú Lợi 2 được thành lập theo Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một và đi vào hoạt động dạy và học từ học kỳ 2 năm học 2021-2022.

- Trường được xây dựng tại đường Mỹ Phước - Tân Vạn, khu phố 8, phường

Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 9960.6 m².. có 32 phòng học; 01 phòng dành cho học sinh khuyết tật; 01 khu hiệu bộ và phục vụ; 4 phòng chức năng gồm: 01 phòng Âm Nhạc; 01 phòng Tin học, 01 phòng Tiếng Anh; 01 phòng Mỹ thuật; trường có 01 nhà đa năng, 02 nhà xe Cán bộ giáo viên và học sinh. Nhà trường có cổng trường, xung quanh xây tường rào kiên cố, cảnh quan sư phạm thoáng mát, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khuôn viên trường trồng nhiều cây xanh. Điều kiện cơ sở vật chất khá đầy đủ, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết được trang bị đầy đủ, bếp ăn bán trú đảm bảo tuyệt đối về an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ tốt trong việc chăm sóc sức khỏe học sinh.

Trường Tiểu học Phú Lợi 2 là trường công lập được xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn Tỉnh Bình Dương. Xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Người đại diện pháp luật: Võ Thị Thanh Tuyền Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Phú Lợi 2 - đường Mỹ Phước – Tân Vạn, khu phố 8, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: 0376975657

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

- Trường Tiểu học Phú Lợi 2 được thành lập theo Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường nhiệm kì 2022-2026 được kiện toàn theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024

Danh sách Hội đồng trường:

ST T	Họ tên	Chức vụ	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Nhung	Phó Hiệu trưởng	CTHĐ	
2	Ngô Thị Hải Yến	Phó Hiệu trưởng	PCTHĐ	
3	Nguyễn Huỳnh Ái Phương	Bí thư Đoàn	Thành viên	
4	Võ Thị Thanh Tuyền	Hiệu trưởng	Thành viên	

5	Nguyễn Thị Thòa	CT.CĐ	Thành viên	
6	Nguyễn Huỳnh Bích Ngọc	TTVP	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Kim Liên	TTCM Tổ lớp 3	Thành viên	
8	Hoàng Thị Thu	TT TA-TD	Thành viên	
9	Lê Thị Hào	TTCM Tổ lớp 5	Thành viên	
10	Phạm Quốc Khán	Trưởng Ban Đại diện CMHS	Thành viên	
11	Lại Thái Hòa	Phó Chủ tịch UBND Phường Phú Lợi	Thành viên	

-Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Phú Lợi 2 có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường Tiểu học Phú Lợi 2 là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT Thành phố Thủ Dầu Một.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 26 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 60 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn đội: có 20 lớp sao nhi đồng và 13 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS trường có 15 thành viên.
- + Các tổ chuyên môn: 07 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Võ Thị Thanh Tuyền	Hiệu trưởng	0376975657

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Phú Lợi 2 - đường Mỹ Phước – Tân Vạn, khu phố 8, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường:

Kế hoạch số 120/KH-THPL2 ngày 05/9/2022 kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2022-2027 và tầm nhìn đến năm 2032 đã được thông qua Nghị quyết Đại hội chi bộ nhà trường và lãnh đạo Phòng GD-ĐT Thành phố Thủ Dầu Một phê duyệt.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 461/KH-THPL2 ngày 11/12/2024 về việc Về việc kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			ĐH	CD	TC	IV	III	II	T	K	TB
	Tổng số GV, CBQL và NV	60	48	5	2						
I	Giáo viên	47	44	3							
1	GVCN	34	33	1	0		17	17	34		
2	Ngoại ngữ	5	4	1			4	1	5		
3	Âm nhạc	2	4				1	1	2		
4	Mỹ Thuật	2	4					2	2		
5	Dạy các môn	4	3	1			3	1	3	1	
II	Cán bộ quản lý	3									
1	Hiệu trưởng	1	1					1			
2	P. Hiệu trưởng	2	2				1	1			
III	Nhân viên										
1	Nhân viên kế toán	1	1				1				
2	NV Thư viện	1		1			1	1			
3	VC Thiết bị	1	1								

4	Nhân viên Y tế	0									
5	Nhân viên BV	3		1	1						
6	Nhân viên PV	2									
7	NV Văn thư	1			1						
8	NV CNTT	0									
9	GV TPT Đội	1	1				1				

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá : Tốt
- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 49 (trong đó Tốt: 48/49; Khá 1/49)

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 50/50 = 100% trong đó BGH:03, GV:

47.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng diện tích đất (m²)	9960.6	8.4 m²/học sinh
II	Số điểm trường lẻ	0	0
III	Số phòng học/số lớp	32/32	1.57 m ² /học sinh
IV	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32/32	1.57 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2410	2.04 m²/học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1856	1.57 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	188	
3	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	947	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	70	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	70	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	70	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	70	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	70	

9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	137	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	7	7/7
1.2	Khối lớp 2	6	6/6
1.3	Khối lớp 3	7	7/7
1.4	Khối lớp 4	6	6/6
1.5	Khối lớp 5	6	6/6
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu với quy định		
1.1	Khối lớp 1	/	
1.2	Khối lớp 2	/	
1.3	Khối lớp 3	/	Chờ cấp
1.4	Khối lớp 4	/	Chờ cấp
1.5	Khối lớp 5	/	Chờ cấp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	105	6,7 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	25	
2	Cát sét	0	
3	Đầu Video/dầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1 – 373m²
XI	Nhà ăn	1 – 547 m²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/		
XIII	Khu nội trú	/		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8		16		0,3 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Danh mục SGK được phê duyệt

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1

1. Sách giáo khoa:

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1 (Bộ Kết nối tri thức)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ Biên), Vũ Kim Bằng- Trịnh Cẩm Lan – Chu Thị Phương – Trần Kim Phương – Đặng Thị Hào Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1 (Bộ Cánh diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Đạo đức 1 (Bộ Kết nối tri thức)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên)Trần Thành Nam (Chủ biên) Lê Thị Tuyết Mai – Lục Thị Nga	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 1 (Bộ Kết nối tri thức)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ Biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ Biên), Đào Thị Hồng – Phương Hà Lan – Hoàng Quý Tinh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Mĩ thuật 1 (Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2)	Nguyễn Xuân Tiến (Tổng chủ biên) – Hoàng Minh Phúc (Chủ biên) Nguyễn Thị Hiền – Nguyễn Minh Thiên Hoàng – Nguyễn Hồng Ngọc – Lâm Yến Như	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc 1 (Bộ Cánh diều)	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiền	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Giáo dục Thể chất 1 (Bộ Cánh diều)	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm 1 (Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 1)	Vũ Quang Tuyên (Tổng chủ biên)- Nguyễn Hữu Tâm (Chủ biên) – Nguyễn Thị Hà Liên – Lê Phương Trí.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

9	Tiếng Anh 1 (Family and friends)	Trần Cao Bội Ngọc (chủ biên)- Trương Văn Ánh	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
---	--	---	--------------------------------

2. Tài liệu bổ trợ

TT	Tên sách	Tên bộ sách
1	Vở BT Tiếng Việt 1 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
2	Vở BT Tiếng Việt 1 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức
3	Vở bài tập Toán 1 (Tập 1)	Bộ Cánh diều
4	Vở bài tập Toán 1 (Tập 2)	Bộ Cánh diều
5	Vở Tập viết 1 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
6	Vở Tập viết 1 (Tập 2)	
7	Vở thực hành Mĩ thuật 1	Bộ Chân trời sáng tạo- Bàn 2
8	Workbooks	Family and Friends
9	Giáo dục Stem	Hành trình sáng tạo
10	Tài liệu giáo dục địa phương	
11	Thực hành Kỹ năng sống	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

1. Sách giáo khoa:

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2 (Bộ Kết nối tri thức)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2 (Bộ Kết nối tri thức)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2 (Bộ Kết nối tri thức)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 2 (Bộ Kết nối tri thức)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng -Phương Hà Lan - Phạm Việt Quỳnh - Hoàng Quý Tinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	(Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2)	Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên	
6	Âm nhạc 2 (Bộ Cánh diều)	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tà Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Nhà xuất bản ĐHSPTPHCM
7	Giáo dục Thể chất 2 (Bộ Cánh diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên)- Phạm Đồng Đức (Chủ biên)- Nguyễn Duy Linh- Phạm Trảng Kha	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2 (Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 1)	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 2 Family and Friends – National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu bổ trợ

TT	Tên sách	Tên bộ sách
1	Vở BT Tiếng Việt 2 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
2	Vở BT Tiếng Việt 2 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức
3	Vở bài tập Toán 2 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
4	Vở bài tập Toán 2 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức
5	Vở thực hành Mỹ thuật 2	Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2
6	Workbooks	Family and Friends
7	Giáo dục Stem	Hành trình sáng tạo
8	Tài liệu giáo dục địa phương	
9	Thực hành kỹ năng sống	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3

1. Sách giáo khoa:

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3 (Bộ Kết nối tri thức)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Thị Hào Tâm, Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Lê Hằng.	
2	Toán 3 (Bộ Kết nối tri thức)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3 (Bộ Kết nối tri thức)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 3 (Bộ Kết nối tri thức)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Mĩ thuật 3 (Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận, Võ Thị Nguyên.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 3 (Bộ Cánh diều)	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tà Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Nhà xuất bản ĐHSPTPHCM
7	Giáo dục Thể chất 3 (Bộ Cánh diều)	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 3 (Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 1)	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 3 (Bộ Kết nối tri thức)	Lê Khắc Thành (Chủ biên), Nguyễn Tân Ân, Ngô Thị Tú Quyên, Trịnh Đình Thắng, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Đại học Vinh
10	Công nghệ 3 (Bộ Kết nối tri thức)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3 (Family and Friends)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu bổ trợ

TT	Tên sách	Tên bộ sách
1	Vở BT Tiếng Việt 3 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
2	Vở BT Tiếng Việt 3 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức

3	Vở bài tập Toán 3 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
4	Vở bài tập Toán 3 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức
5	Vở Tập viết 3 (Tập 1)	Vở tập viết (Tập 1, 2) (Mai Nhị Hà, Huỳnh Thị Cẩm Linh, Thường Đỗ)
6	Vở Tập viết 3 (Tập 2)	
7	Vở thực hành Mĩ thuật 3	Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2
8	Workbooks	Family and Friends
9	Giáo dục Stem	Hành trình sáng tạo
10	Tài liệu giáo dục địa phương	
11	Thực hành kỹ năng sống	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4

1. Sách giáo khoa:

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4 (Bộ Kết nối tri thức)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4 (Bộ Kết nối tri thức)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Ánh, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quốc Hường, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4 (Bộ Kết nối tri thức)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 4 (Bộ Kết nối tri thức)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (Đồng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lý 4 (Bộ Kết nối tri thức)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4 (Bộ Kết nối tri thức)	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

7	Công nghệ 4 (Bộ Kết nối tri thức)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đông Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 4 (Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 1)	Phó Đức Hòa (Tổng chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4 (Bộ Cánh diều)	Lê Anh Tuấn (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai	NXB ĐHSP TPHCM
10	Mĩ Thuật 4 (Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 4 (Bộ Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh	NXB Đại học Sư phạm
12	Tiếng Anh (Family and Friends)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh	NXB Giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu bổ trợ

TT	Tên sách	Tên bộ sách
1	Vở BT Tiếng Việt 4 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
2	Vở BT Tiếng Việt 4 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức
3	Vở bài tập Toán 4 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
4	Vở bài tập Toán 4 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức
6	Bài tập Tin học 4	Bộ Kết nối tri thức
7	Vở thực hành Mỹ thuật 4	Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2
8	Workbooks	Family and Friends
9	Giáo dục Stem	Hành trình sáng tạo
11	Tài liệu giáo dục địa phương	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

1. Sách giáo khoa

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Tiếng Việt 5 (Bộ Kết nối tri thức)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.	
2	Toán 5 (Bộ Kết nối tri thức)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quốc Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học 5 (Bộ Kết nối tri thức)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5 (Bộ Kết nối tri thức)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 5 (Bộ Kết nối tri thức)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Hoạt động trải nghiệm 5 (Bộ Chân trời sáng tạo - Bản 1)	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 5 (Bộ Cánh diều)	- Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh	Công ty Vepic (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)
8	Âm nhạc 5 (Bộ Cánh diều)	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Công ty Vepic (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)
9	Tiếng Anh 5 (Family and Friends)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 5 (Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2)	Hoàng Minh Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị May (Chủ biên), Vũ Đức	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Long, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Trần Thị Tuyết Nhung.	
11	Tin học 5 (Bộ Kết nối tri thức)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 5 (Bộ Kết nối tri thức)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu hỗ trợ

TT	Tên sách	Tên bộ sách
1	Vở BT Tiếng Việt 5 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
2	Vở BT Tiếng Việt 5 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức
3	Vở bài tập Toán 5 (Tập 1)	Bộ Kết nối tri thức
4	Vở bài tập Toán 5 (Tập 2)	Bộ Kết nối tri thức
5	Bài tập Tin học 5	Bộ Kết nối tri thức
6	Vở thực hành Mĩ thuật 5	Bộ Chân trời sáng tạo- Bản 2
7	Workbooks	Family and Friends
8	Giáo dục Stem	Hành trình sáng tạo
10	Tài liệu giáo dục địa phương	

IV.KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 01/2022, đến nay chưa đủ thời gian kiểm định chất lượng và công nhận chuẩn quốc gia.

V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 (Kế hoạch số 161/KH-THPL2 ngày 07/6/2024 của trường Tiểu học Phú Lợi 2)

Đối tượng tuyển sinh:

Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyển tuyển sinh: Tất cả học sinh thường trú, tạm trú tại khu 5,7,8,9 của Phường Phú Lợi.

Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Số lớp: 07 lớp
- Số HS: 280 học sinh

Thời gian tuyển sinh:

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: từ ngày 17/6/2024 đến hết ngày 27/6/2024
- Hỗ trợ tuyển sinh trực tiếp: từ ngày 17/6/2024 đến hết ngày 27/6/2024.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường có 32 lớp với tổng số học sinh:

			Trong đó		
Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
1	260	7	130		2
2	238	6	113		
3	249	7	133		
4	222	6	109		
5	212	6	103		
Tổng	1181	32	588	44	2

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	258	02	0
2	241	0	03
3	250	0	01
4	227	0	05
5	214	0	02
Toàn trường	1190	02	11

3. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Kết quả giáo dục học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023- 2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)
- Kết quả đánh giá giáo dục của học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023-2024

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- Có 4 học sinh ôn lại trong hè. Toàn trường có 4 học sinh chưa HTCTLH.

4. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học Năm học 2023-2024: 212/103 nữ

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ kế hoạch dự toán thu – chi năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 4979/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND Thành phố Thủ Dầu Một Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh và dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

***Nguồn ngân sách:**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I		-
1	Số thu phí, lệ phí	-
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Chi lương	
b	Chi hoạt động	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.869.798.514
3.11	Quỹ tiền lương	6.947.090.629
3.12	Chi hoạt động	922.707.885

3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	787.242.874
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	0
3.2.2	Chi chuyên môn	481.932.874
3.2.3	Các chế độ khác	193.310.000
3.2.4	Chi khác (Trợ cấp tết,)	112.000.000

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND		44.100.000	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	36	21.600.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	30	22.500.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDTBLĐTBXH		7.200.000	
Hỗ trợ học bổng			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	01	7.200.000	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập		1.000.000	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	01	1.000.000	

2. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Tiền phục vụ bán trú	Đồng/tháng/HS	145.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
2	Tiền ăn	Đồng/tháng/HS	32.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
3	Tiền 2 buổi khối 1	Đồng/tháng/HS	132.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
4	Tiền 2 buổi khối 2	Đồng/tháng/HS	124.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023

5	Tiền 2 buổi khối 3	Đồng/tháng/HIS	187.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
6	Tiền 2 buổi khối 4,5	Đồng/tháng/HIS	156.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
7	Tiền vệ sinh trường, lớp	Đồng/tháng/HIS	11.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
Năm học 2024-2025				
1	Tiền phục vụ bán trú	Đồng/tháng/HIS	145.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
2	Tiền ăn	Đồng/tháng/HIS	32.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
3	Tiền 2 buổi khối 1	Đồng/tháng/HIS	132.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
4	Tiền 2 buổi khối 2	Đồng/tháng/HIS	124.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
5	Tiền 2 buổi khối 3	Đồng/tháng/HIS	109.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
6	Tiền 2 buổi khối 4,5	Đồng/tháng/HIS	156.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023
7	Tiền vệ sinh trường, lớp	Đồng/tháng/HIS	11.000	Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023

- Các loại quỹ thu hộ năm học 2023-2024 và dự kiến năm tiếp theo:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Tiền bảo hiểm y tế học sinh	Đồng/tháng/HIS	56.700	Theo thông báo của bảo hiểm tỉnh Bình Dương năm 2023 (Thực hiện thu 3 tháng cuối năm 2023 và năm 2024)
2	Tiền tiếng Anh ISMART	Đồng/tháng/HIS	600.000	16 tiết
Năm học 2024-2025				
1	Tiền bảo hiểm y tế học sinh	Đồng/tháng/HIS	73.710	Theo thông báo của bảo hiểm tỉnh Bình Dương năm 2025 (Thực hiện thu 3 tháng cuối năm 2024 và năm 2025)
2	Tiền tiếng Anh ISMART	Đồng/tháng/HIS	600.000	16 tiết

-Trong năm học 2023-2024 thực hiện công khai thu chi các loại quỹ như sau:

STT	NỘI DUNG LOẠI QUỸ	MANG SANG THÁNG 7/2023	TỔNG THU	TỔNG CHI	TÓN CUỐI THÁNG 6/2024
1	Quỹ 2 buổi	73.165.231	1.496.472.500	1.542.882.326	26.755.405
2	Quỹ Phục Vụ Bán Trú	7.918.448	1.284.525.050	1.290.311.872	2.131.626
3	Quỹ tiền ăn	100.621	5.800.820.000	5.800.727.664	192.957
4	Quỹ vệ sinh trường, lớp	0	114.624.290	113.148.800	1.475.490
Tổng cộng		81.184.300	8.696.441.840	8.747.070.662	30.555.478

3. Công khai số dư quỹ tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	DVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	0	

4. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

ST T	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ				
	Tiền phục vụ bán trú	1.423.590.000	809.805.000	613.785.000	
	Tiền ăn	6.569.924.000	3.681.984.000	2.887.940.000	
	Tiền 2 buổi	1.554.773.000	918.186.000	636.587.000	
	Tiền vệ sinh trường, lớp	128.286.000	76.487.000	51.799.000	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.104.000.000	4.923.367.293	6.940.984.314	
	Tiền lương và các khoản đóng góp	7.957.000.000	2.069.859.182	2.978.224.056	
	Lương hợp đồng theo chế độ	650.000.000	146.928.600	168.144.000	
	Phụ cấp lương	1.345.000.000	1.096.469.121	1.501.144.863	
	Tiền thưởng	290.000.000		275.475.200	
	Hoạt động bộ máy	1.367.000.000			

	Chi giảng dạy và học tập của học sinh	495.000.000			
	Phúc lợi tập thể				
	Các khoản đóng góp		641.013.364	870.830.082	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân			295.120.000	
	Thanh toán dịch vụ công cộng		275.627.024	264.917.223	
	Vật tư văn phòng		93.948.080	70.254.040	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		11.809.694	20.231.400	
	Công tác phí		9.000.000	10.756.000	
	Chi phí thuê mướn		168.248.000	86.996.000	
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		111.695.400	64.892.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		216.159.180	269.203.050	
	Mua sắm tài sản vô hình		6.600.000	28.392.600	
	Chi khác		76.009.648	36.403.800	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.303.000.000	269.129.000	958.913.295	
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	63.000.000	29.700.000	23.488.000	
	Đào tạo	17.000.000		4.500.000	
	Sửa chữa	123.000.000		117.051.000	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		117.429.000	184.279.296	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				
	Phụ cấp lương				
	Chi khác	940.000.000	122.000.000	470.673.619	
	Vật tư văn phòng				
	Chi phí thuê mướn				
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	160.000.000		158.921.380	
	Mua sắm bàn ghế				

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG NĂM KHÁC

1. Công tác quản lý, chỉ đạo, thực hiện các văn bản hướng dẫn

Triển khai kịp thời đến toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Thực hiện tốt công tác phối hợp làm việc giữa Chi ủy chi bộ, Ban giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch năm học.

Ban Giám hiệu điều hành công việc nhà trường đúng chức năng nhiệm vụ, phân công, phân cấp rõ ràng.

Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; đề cao trách nhiệm, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo, trách nhiệm thực thi công vụ.

Áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, khai thác tốt trang Website của ngành, của trường đặc biệt là công tác truyền thông về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức công tác kiểm tra nội bộ trường học theo kế hoạch.

Các thông tin báo cáo được thực hiện nghiêm túc, chính xác, kịp thời đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn thu chi theo quy định. Việc sử dụng ngân sách được thực hiện theo quy định. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch chi tiêu nội bộ. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, trong năm học không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Bảo đảm hoàn thành Kế hoạch học kì I theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh

- Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 62/54 nữ.
- Tổng số giáo viên: 49 (gồm 35 GVDL và 14 GVBM)
- Tổng số lớp 33 lớp (dạy học 2 buổi/ngày).
- Tổng số học sinh học kì 1 năm học 2024-2025 như sau:

Khối	1	2	3	4	5	Tổng
Số lớp	7	7	6	7	6	33
Số HS đầu năm	257/129	256/127	233/113	249/130	218/106	1213/605
Số HS cuối kì 1	257/129	255/126	232/112	249/130	218/106	1211/603
HS khuyết tật	1/0	1/0	0	0	0	2/0
HS dân tộc	7/3	10/6	9/4	12/6	7/4	45/23
HS bỏ học	0	0	0	0	0	0

- Duy trì sĩ số học sinh 100% không có học sinh bỏ học.

- Biện pháp: Thường xuyên liên hệ với cha mẹ học sinh trong việc giáo dục, quan tâm đến học sinh học chậm, phối hợp với Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học Phường Phú Lợi, Hội Khuyến học Thành phố Thủ Dầu Một có chế độ hỗ trợ kịp thời, giúp các

em vượt qua hoàn cảnh khó khăn để học tập tốt.

3. Duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

3.1 Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

- Tổ chức tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường; Huy động tối đa trẻ 6 tuổi (sinh năm 2018) đến trường và vận động trẻ bỏ học trở lại trường, tạo điều kiện giúp đỡ học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục học tập.

- Kết hợp tốt với Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi và Cán bộ chuyên trách Phổ cập giáo dục thường xuyên tiến hành rà soát lại Phổ cập giáo dục Tiểu học - Chống mù chữ tại địa phương.

- Đảm bảo thu nhận 100% trẻ đúng độ tuổi vào học tại trường theo đúng địa bàn. Điều tra độ tuổi theo địa bàn,... từng bước nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục Tiểu học.

- Từng tháng, học kì Ban giám hiệu và giáo viên thường xuyên rà soát nắm sĩ số học sinh tăng, giảm, bỏ học và có nguy cơ bỏ học để có biện pháp vận động ra lớp.

* Tồn tại: Một số phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến việc học của con em mình.

* Biện pháp: Nhà trường cùng các đoàn thể, GVCN tìm hiểu hoàn cảnh, phối hợp các mạnh thường quân tặng học bổng, tặng quà tiếp sức các em đến trường.

3.2. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018.

Rà soát, đánh giá chất lượng cơ sở vật chất, thu thập minh chứng kiểm định theo từng năm.

Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng.

4. Kết quả thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

4.1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Đa dạng các hình thức tuyên truyền, giáo dục phòng, chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích, đuối nước, tham gia giao thông an toàn, sử dụng mạng xã hội an toàn đối với học sinh; thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục an toàn giao thông, phòng chống đuối nước, phòng chống cháy nổ... trong các môn học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao ý thức, kiến thức, kỹ năng bảo vệ



bản thân, phòng tránh tai nạn thương tích cho học sinh. Thực hiện hiệu quả nội dung môn học giáo dục công dân; tăng cường các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa nhằm giúp học sinh tăng tính hướng thiện, bồi đắp cảm xúc tích cực, yêu thương, tôn trọng bạn bè, những người xung quanh.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, nâng cao kiến thức, rèn kỹ năng sống và thu hút học sinh tham gia để tránh xa các hoạt động tiêu cực ảnh hưởng xấu đến học sinh. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh; nắm bắt tình hình, diễn biến tâm lý của học sinh, có biện pháp ngăn chặn, giáo dục kịp thời đối với biểu hiện dẫn đến bạo lực đối với học sinh; tổ chức các hoạt động gắn kết, bồi đắp tình cảm bạn bè của học sinh cùng lớp, cùng trường.

- Tăng cường các biện pháp quản lý, giáo dục phòng, chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích; sử dụng mạng xã hội an toàn đối với học sinh.

4.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Thực hiện CTGDPT 2018 đối với các khối lớp theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về GDTH đã được Bộ GDĐT và Sở GDĐT ban hành, cụ thể:

- Đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đảm bảo tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của CTGDPT 2018; tổ chức các hoạt động cùng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập. Tổ chức cho học sinh các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương thông qua hoạt động hành trình về địa chỉ đỏ; trải nghiệm “Một ngày em làm chiến sĩ”.

- Thực hiện nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục, nội dung giáo dục đảm bảo hợp lý; thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày và tuần học, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế theo các quy định của cơ quan quản lý và sự tự nguyện của cha mẹ học sinh; các hoạt động bán trú được tổ chức từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,... cho học sinh, góp phần rèn luyện kỹ năng sống, đạo đức, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương, ...; tổ chức bán trú bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, thực hiện thực đơn cân bằng dinh dưỡng bảo đảm sức khỏe cho học sinh.

4.3. Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

- Lớp 1, lớp 2: Tiếp tục triển khai Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn đảm bảo các yêu cầu được quy định trong CTGDPT (Lớp 1 bắt đầu học Tiếng Anh từ tuần 10 của năm học).

- Lớp 3, 4, 5: Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học bắt buộc cho học sinh bảo đảm các yêu cầu được quy định trong CTGDPT 2018 (phân môn Công nghệ do giáo viên bộ môn Tin học dạy); tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo thực hiện theo danh mục sách giáo khoa đã được Bộ GDĐT ban hành và các Quyết định phê duyệt danh mục SGK của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Dương.

- Thực hiện xã hội hóa theo tinh thần tự nguyện trong dạy học Tiếng Anh để tăng cường thời lượng học Tiếng Anh với hình thức liên kết Trung tâm H123 giảng dạy.

4.4. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương Chương trình giáo dục phổ thông

Thực hiện dạy học lồng ghép nội dung giáo dục địa phương cho học sinh khối 1, 2, 3 và LSDP cho học sinh khối 4, 5 đúng kế hoạch có hiệu quả.

4.5. Thực hiện giáo dục STEM

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM trong kế hoạch giáo dục nhà trường; hợp tổ chuyên môn lựa chọn chủ đề, xây dựng kế hoạch bài học; lên

lịch dự giờ bài học STEM. Trước khi tiến hành dạy, tổ khối đều họp tổ, cùng nhau xây dựng và chuẩn bị đồ dùng cho tiết dạy. Bên cạnh đó nhà trường còn tổ chức hình thức Bài học STEM, thực hiện đa dạng các hình thức tổ chức giáo dục STEM như hoạt động trải nghiệm STEM thông qua các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học kỹ thuật, thực hiện tốt các không gian trải nghiệm STEM, các góc STEM trong từng lớp học. Học sinh được tiếp cận với hoạt động thực hành ngay sau mỗi bài học, tạo điều kiện tốt để hình thành kỹ năng, phát triển phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Học sinh thích thú, hào hứng tham gia các hoạt động và được thể hiện kỹ năng riêng của bản thân, thể hiện sáng tạo trong học tập. Trong học kỳ 1 đã tổ chức Ngày Hội Stem với chủ đề “Khơi nguồn sáng tạo – Bảo vệ môi trường” cho tất cả học sinh của 5 khối lớp tham gia trưng bày sản phẩm và thuyết trình cách làm. Bên cạnh đó nhà trường còn liên kết với Công ty Công mặt trời tổ chức cho các em được trải nghiệm với nhiều câu lạc bộ Steam như: Múa rối dây (Khối 1), Ngày hội STEM (khối 2,3), Đồ dùng học tập thân thiện (khối 4,5)

Hạn chế:

- Đơn vị chưa có phòng chức năng STEM.

4.6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

4.6.1. Tổ chức thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất là hướng tới mục tiêu phát triển tối đa phẩm chất và năng lực của người học thông qua cách thức tổ chức các hoạt động học tập độc lập, tích cực, sáng tạo của học sinh dưới sự tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ hợp lý của giáo viên.

Giáo viên ngoài việc giảng dạy các kiến thức trong sách giáo khoa, cần đưa thêm các kiến thức từ thực tiễn vào cuộc sống để học sinh nhận thấy được giá trị thực của học tập. Ngoài ra, giáo viên có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ngoài giờ học để học sinh liên hệ, vận dụng kiến thức với thực tế cuộc sống đang diễn ra tại địa phương, cộng đồng hoặc chính bản thân mình.

4.6.2. Phương pháp, hình thức đánh giá

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo quy định Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT đối với các khối lớp từ 1 đến 5

4.7. Thực hiện chương trình liên kết, có yếu tố nước ngoài

Thực hiện giảng dạy song ngữ Toán – Khoa học iSMART: 03 lớp 1 và 03 lớp 2 (Tổng cộng 210 học sinh).

4.8. Tình hình triển khai Chương trình GDPT 2018 trong học kỳ I năm học 2024-2025 (thuận lợi, khó khăn, giải pháp).

* Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cùng sự kết hợp chặt chẽ của các ban ngành đoàn thể trong nhà trường.

Lực lượng giáo viên đa số đều đủ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, tự giác trong khi tham gia các hoạt động giáo dục. Tất cả giáo viên tham gia giảng dạy lớp đều hoàn thành chương trình tập huấn về Chương trình GDPT 2018, sách giáo khoa lớp 1, 2, 3, 4, 5 và phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

100% học sinh đã có đủ sách để học.

Kế hoạch dạy học được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, đảm bảo phân bố hợp lý giữa các nội dung giáo dục; Thời khóa biểu sắp xếp khoa học, phù hợp thực tế của nhà trường, đúng hướng dẫn của cấp trên.

* Khó khăn:

Nội dung bài soạn dài và nhiều do mỗi hoạt động đều phải ghi mục tiêu. Phần đánh giá học sinh về phẩm chất, năng lực quá nhiều tiêu chí gây khó khăn, tốn nhiều thời gian.

* Giải pháp:

- GV linh động vận dụng phương pháp tốt nhất trong việc rèn HS tùy theo đối tượng trong lớp mình chủ nhiệm.

- GV kết hợp cùng PHHS trao đổi kiến thức, phương pháp giảng dạy để cùng rèn luyện cho các em tốt hơn khi thực hiện chương trình mới.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, theo chuyên đề. Bồi dưỡng chuyên môn qua tập huấn các chuyên đề... Đối với môn Toán và môn Tiếng Việt tổ khối nghiên cứu, tìm ra những kiến thức cốt lõi trong cần đạt ở mỗi bài học, mỗi chủ đề.

5. Củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

5.1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Về số lượng:

Tổng số cán bộ, viên chức: 62/54 nữ, Trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 03/03 nữ
- + Giáo viên: 49/45 nữ GV
- + Nhân viên : 10/6 nữ
- Về chất lượng:

+ Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đều đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm, trong đó: trên chuẩn 02, đạt 3.2%; chuẩn 52, đạt 83.9% theo Luật giáo dục 2019 nên có năng lực công tác, giảng dạy có chất lượng. Hàng năm được bồi dưỡng, học tập thường xuyên, đề nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

+ Số lượng đảng viên là 26 đ/c đạt tỷ lệ: 41.9 %.

Đảm bảo đủ giáo viên, nhân viên để phân công giảng dạy, thực hiện chương trình theo kế hoạch nhiệm vụ năm học.

5.2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

* Về cơ sở vật chất:

Trường có 33 phòng học; 01 phòng vi tính; 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng Tiếng Anh; 01 Thư viện; 01 phòng Thiết bị GD. Có đầy đủ khu hiệu bộ, phòng Đội, Công đoàn, Y tế,... và nhà ăn đảm bảo phục vụ trên 1200 học sinh bán trú.

* Về thiết bị dạy học

Các phòng học, phòng chức năng được trang bị máy chiếu hoặc ti vi phục vụ cho công tác giảng dạy. Tính đến thời điểm này trường đủ điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tuy nhiên đồ dùng dạy học theo CTGDPT 2018 cấp chưa kịp thời.

5.3. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

- Nhà trường đã áp dụng và thực hiện ký số trên giáo án điện tử, phần mềm quản lý giáo án, quản lý văn bản, ... giảm áp lực về hồ sơ sổ sách cho GV.

- Văn kiện hội nghị quét QR, nội dung họp chuyên môn, hội đồng hàng tháng đều sử dụng file đính kèm, GV bổ sung các ý kiến đóng góp để hoàn thiện nội dung cuộc họp.

- Tổ chức tập huấn cho GV L0, L1; LMS360 Elarning,...

6. Công tác chỉ đạo, kiểm tra và nâng cao hiệu quả quản lý

6.1. Việc tăng cường công tác chỉ đạo kiểm tra, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (Số liệu cụ thể đã thanh tra, kiểm tra trong học kỳ I năm học 2024-2025).

Ngay từ đầu năm, đơn vị đã triển khai công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ

năm học 2024-2025 của ngành cho toàn thể CBGV đơn vị nắm được những nhiệm vụ trọng tâm và chủ đề năm học “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”

- Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, trong dạy và học. Quản lý cán bộ giáo viên, thư viện thiết bị, tài chính qua các phần mềm đã được tập huấn.

- Xây dựng đội ngũ GV có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, động viên giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị:

+ Học các lớp Đại học: 02

+ Học văn bằng 2 Ngôn ngữ Anh: 03

+ Học Thạc sĩ: 04

+ Sơ cấp chính trị: 03

- Trình độ Tin học, Ngoại ngữ:

+ Về Tin học có 54/62 CB-GV-NV đạt trình độ A, B; 02 GV trình độ Cao đẳng, 01 GV trình độ cử nhân.

+ Về Ngoại ngữ (Tiếng Anh): 46/62 CB-GV-NV đạt trình độ A, B; 03/62 đạt B1; 03/62 đạt B2; 01 Cao đẳng, 03 cử nhân, 01 Thạc sĩ

- Đã triển khai văn bản chỉ đạo về đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, dạy thực hành KNS thông qua môn TNXH, Đạo đức, Tiếng Việt, về đổi mới phương pháp, nội dung chương trình SGK cho GV trong trường thực hiện, tổ chức tập Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.

- Đã triển khai lại qui chế đánh giá chuyên môn nghiệp vụ GV theo Thông tư 20 của Bộ GDĐT. Trong học kỳ 1 đã tổ chức hội thi GVDG cấp trường đạt: 12/19GV, cấp thành phố đạt 4/6; Đánh giá chung qua các tiết dự giờ GV nắm được trình tự lên lớp của các môn học, cung cấp đầy đủ kiến thức cho học sinh. Tuy nhiên việc cập nhật đào sâu kiến thức để cho tiết học sinh động phong phú hấp dẫn thì còn hạn chế, chưa quan tâm đều các đối tượng học sinh.

- Nhà trường đã thành lập Ban Quản lý dạy thêm học thêm, triển khai nhắc lại các công văn chỉ đạo về việc dạy thêm học thêm của ngành và của UBND Tỉnh. Quán triệt tinh thần các công văn chỉ đạo không học thêm. Tổ chức kiểm tra và ký cam kết đối với giáo viên. Tính đến nay đơn vị không có giáo viên nào vi phạm.

- Thực hiện giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục kỹ năng sống trong các môn học và các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Với những nội dung này học sinh đã có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường, kỹ năng sống trong cuộc sống và sinh hoạt



hàng ngày.

* *Tình hình triển khai thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trường học và công khai trong trường tiểu học*

- Kiểm tra về công tác tuyển sinh đầu cấp.

+ Kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo: 12 giáo viên trong đó:

➤ Xếp loại tốt: 12 giáo viên (Cô Minh 2/4; Cô Dung 2/5, Cô Huyền 4/4, Cô Ánh 4/5, Cô Thiết 1/2, Cô Mai Nga 1/4, Cô Tiên 5/3, Cô Hà Phương 5/6, Cô Cúc 3/1, Cô Hương 3/6, Cô Thu TA, Thầy Xuân GDTC)

+ Nhà trường đã kiểm tra công tác dạy thêm học thêm đối với 16 giáo viên (Cô Giang Liên, Cô Thủy TH, Cô Thiết, Cô Việt, Cô Hiền, Cô Thuý, Cô Tuyết Mai, Cô Tình K2, Cô Quỳnh Nga, Cô Tuyết Hoa, Cô Ánh, Cô Nguyệt, Cô Thu, Cô Hương, Cô Phúc, Cô Vy). Kết quả những thầy, cô được kiểm tra không có vi phạm dạy thêm học thêm ngoài nhà trường tại thời điểm kiểm tra.

+ Kiểm tra Hồ sơ sổ sách cá nhân, kết quả đánh giá: Tốt

+ Nhà trường đã kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh lớp học: Các lớp học sạch sẽ, thoáng mát, có trang trí cây xanh tạo không khí trong lành. Học sinh biết giữ gìn vệ sinh lớp học, bỏ rác vào thùng, không xả rác bừa bãi.

Các lớp duy trì được vệ sinh sạch sẽ

Kiểm tra khu vực nhà vệ sinh: Nhân viên phục vụ đảm bảo đúng ngày giờ công, tác phong làm việc tích cực. Các khu vực nhà vệ sinh sạch sẽ, khô thoáng, không đọng nước, không có mùi hôi, có trang trí cây xanh.

* Ưu điểm:

- Đa số các giáo viên được kiểm tra (Giáo viên dạy lớp + BM) thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ theo yêu cầu chuyên môn. Soạn giảng đầy đủ theo chuẩn kiến thức kỹ năng, theo phân phối chương trình. Giáo viên nắm được phương pháp đặc trưng môn, vận dụng đổi mới phương pháp dạy học, phát huy được tư duy, tính tích cực học sinh. Ứng dụng CNTT trong giảng dạy tiết học sinh động hiệu quả cao.

- Thực hiện tốt việc học tập chuyên đề trong tháng.

* Hạn chế:

- Cần quan tâm đều đến các đối tượng học sinh.

6.2. *Việc chỉ đạo xây dựng thời khóa biểu 2 buổi/ ngày; tổ chức lớp linh hoạt; quản lý an toàn thực phẩm đối với những trường có tổ chức bán trú; quản lý việc dạy buổi 2 ngoài nhà trường; hoạt động liên kết ngoài giờ chính khóa.*

6.2.1. *Thời khóa biểu 2 buổi/ ngày:*

- Trong năm học này nhà trường đã tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho toàn bộ

học sinh trong đơn vị (1211/603 hs).

- Thời khóa biểu được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của Quyết định 16 của Bộ GDĐT và phương hướng nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT và Phòng GDĐT. Thời gian dạy và học, nội dung học đảm bảo tốt theo tinh thần chỉ đạo của ngành. Tạo cho học sinh học tập nhẹ nhàng, không áp đặt và dồn ép kiến thức.

6.2.2. Tổ chức lớp linh hoạt:

- Thời lượng đối với từng khối lớp: tổ trưởng tiến hành xây dựng thời khóa biểu linh hoạt và phân công giáo viên đảm trách cho phù hợp cho từng khối lớp.

6.2.3. Quản lý an toàn thực phẩm đối với những trường có tổ chức bán trú:

Đơn vị có nhà bếp và nhà ăn với đầy đủ các trang thiết bị. Tổ chức tự phục vụ cho học sinh ở lại bán trú cho 1074 học sinh, tỉ lệ 88.7%. Tính đến nay hoạt động bán trú đi vào ổn định. Học sinh tự phục vụ, bảo mẫu do giáo viên ở lại phụ trách. Nhà trường đã thành lập Ban quản lý bán trú, Tổ kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm để theo dõi hoạt động công tác bán trú ở trường. Hàng ngày đều theo dõi nguồn thực phẩm nhập vào và theo dõi khâu chế biến đảm bảo vệ sinh. Phân công nhân viên y tế trong tổ kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hiện lưu mẫu thức ăn hàng ngày. Nhận xét chung công tác dạy học 2 buổi/ngày có bán trú đã có kết quả tốt. Chất lượng được nâng lên rõ rệt.

6.2.4. Hoạt động liên kết ngoài giờ chính khóa

Thực hiện giảng dạy KNS, STEM theo chương trình GAIA và dạy Tiếng Anh liên kết với Trung tâm Anh ngữ H123 ngoài giờ chính khóa hình thức tự nguyện.

7. Phát động phong trào thi đua và đẩy mạnh công tác truyền thông theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2024-2025. Các chuyên đề mới thực hiện trong năm

Thực hiện phát động phong trào thi đua trong toàn thể GV, NV nhà trường kịp thời theo quy định. Tiếp tục thực hiện các cuộc vận động do ngành phát động, cụ thể:

- Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cán bộ giáo viên trong đơn vị đã đăng ký thực hiện với những việc làm cụ thể của mình trong công việc cũng như trong quan hệ đối với đồng nghiệp, đối với phụ huynh học sinh, đối với học sinh. Giáo viên đăng ký thực hiện đúng theo quy định đạo đức nhà giáo, thực hiện phân công phụ đạo học sinh chưa hoàn thành, học phụ huynh học sinh... Nhìn chung cuộc vận động này đã đạt được kết quả khả quan.

- Cuộc vận động hai không với 4 nội dung. Chất lượng 2 mặt giáo dục đã được từng bước nâng lên và đi vào thực chất. Độ chênh lệch giữa việc đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, khảo sát đã thu ngắn và không có biến động nhiều. Việc vi phạm đạo đức nhà giáo trong đơn vị chưa xảy ra.

- Cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.



Giáo viên trong trường đã thực hiện tu dưỡng đạo đức thực hiện theo chuẩn mực của nghề dạy học thực hiện những điều giáo viên không được làm và thực hiện theo Điều lệ Trường Tiểu học. Giáo viên luôn tự học tự rèn để nâng cao trình độ tay nghề của mình về chuyên môn cũng như Tin học, Ngoại ngữ.

- Thực hiện phong trào thi đua “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Đã tạo điều kiện cho giáo viên học sinh trang trí trường lớp. Giáo viên luôn gần gũi với học sinh. Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt truyền thống, thăm tặng quà cho Hội Cựu chiến binh và các đơn vị quân sự trên địa bàn phường nhân ngày QĐND Việt Nam 22/12;

- Thực hiện “Qui định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông”. Tính đến nay trong đơn vị không có sự việc tai nạn thương tích nào đáng tiếc xảy ra.

- Tham gia cuộc thi Công trường em “Xanh, sạch, đẹp, an toàn giao thông và trật tự đô thị”, trường học “Xanh, sạch đẹp, văn minh” ngành GD và ĐT thành phố Thủ Dầu Một năm 2024.

Các chuyên đề mới thực hiện trong năm:

- **Trường:** thực hiện 5 chuyên đề:

+ Triển khai chuyên đề tháng 9: Giải pháp “Triển khai thông tư 27 quy định đánh giá học sinh tiểu học”.

+ Triển khai chuyên đề tháng 10: “Thống nhất trình tự môn Tiếng Việt phần âm”.

+ Triển khai chuyên đề tháng 11: “Dạy học Toán theo hướng phát huy năng lực cho học sinh”.

+ Triển khai chuyên đề tháng 12: “Lồng ghép Giáo dục địa phương vào dạy học môn Hoạt động trải nghiệm”.

+ Triển khai chuyên đề tháng 1: “Một số kĩ thuật dạy học tích cực”.

Tổ: thực hiện 14 chuyên đề:

Tháng	Tên chuyên đề
9	Củng cố quy trình dạy Tiếng Việt (Đọc)
	Tiến trình dạy ngữ pháp cho HS lớp 5.
10	Thống nhất trình tự môn Tiếng Việt phần âm
	Xây dựng, tổ chức dạy học bài học STEM
	Xây dựng nề nếp, phát huy tính tích cực cho học sinh lớp 4.
	Giúp học sinh rèn kĩ năng hát và gõ đệm thông qua giai điệu bài hát
11	Dạy học Toán theo hướng phát huy năng lực cho học sinh
	Hộp thư tư vấn học tập cho học sinh lớp 4.
	Thống nhất quy trình dạy môn Tiếng Việt “Đọc”
	Một số trò chơi phát huy tốt tính tích cực trong học tập môn Tiếng Anh.
12	Thống nhất trình tự môn HĐTN tiết theo chuyên đề
	Lồng ghép giáo dục địa phương vào dạy học môn Hoạt động trải

	thực nghiệm lớp 3
	Biện pháp giáo dục BVMT qua môn Đạo đức cho HS lớp 5"
	Dạy học Mĩ thuật tiểu học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

8. Các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường đã tổ chức cho HS trong học kỳ I năm học 2024 – 2025; các hội thi phong trào trường đã tham gia

- Tổ chức trải nghiệm cho học sinh hành trình về “Địa chỉ đỏ” tại Nhà tù Phú Lợi với 218 em học sinh khối lớp 5 ; tổ chức cho 249 học sinh lớp 4 trải nghiệm Một ngày em tập làm chiến sĩ tại trường Sĩ Quan Công Binh, 232 học sinh khối 3 học tập GDĐP tại làng nghề Sơn mài Tương Bình Hiệp. Ngoài ra, các tổ còn tổ chức các hoạt động như: chương trình tập huấn KN Phòng cháy chữa cháy cho học sinh năm 2024 với chủ đề “Chúng em tập làm chiến sĩ PCCC”; Rèn kỹ năng tự phục vụ cho các em học sinh, các em biết tự lấy khẩu phần ăn, giữ gìn chỗ ngồi sạch sẽ trong khi ăn không để thức ăn rơi vãi, biết dọn khay, sắp xếp ghế sau khi ăn xong,... Tổ chức cho các em học sinh tham gia vệ sinh trường lớp vào thứ sáu hàng tuần, vào các ngày lễ lớn trong năm.

- Tổ chức Ngày Hội STEM chủ đề “Khơi nguồn sáng tạo – Bảo vệ môi trường”.

- Qua chủ điểm của các tháng tổ chức giáo dục và tuyên truyền ý nghĩa các ngày lễ: 02/9, 20/11, 23/11, 22/12, 09/01...

- GD ATGT: CA phường Phú Lợi tiến hành tuyên truyền chức tuyên truyền giáo dục An toàn giao thông cho học sinh toàn trường và thực hiện kí cam kết giữa nhà trường, công an và phụ huynh học sinh. Chấp hành nghiêm chỉnh khi tham gia giao thông. Tặng 257 mũ bảo hiểm chương trình “Giữ trọn ước mơ” do Honda Việt Nam tài trợ cho học sinh lớp 1 năm học 2024-2025.

- Lên kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thực hiện phòng, chống tai nạn thương tích, chống lãng phí - tiết kiệm... trong nhà trường. Ủng hộ miền Bắc bị thiên tai số tiền: 69.991.368 đồng.

- Tổ chức thực hiện tốt vệ sinh môi trường cũng như việc lồng ghép vào chương trình dạy và học để kết hợp giáo dục HS về môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

- Tham gia Hội thi video clip “Không gian văn hoá Hồ Chí Minh”

- Hưởng ứng chương trình “Ngàn cây xanh cho thành phố xanh – thân thiện giai đoạn 2024 – 2030” và cuộc vận động “Mỗi đoàn viên thanh thiếu nhi trồng và chăm sóc ít nhất 01 cây xanh, mỗi chi đoàn góp một mảng xanh”.

* Công tác Đoàn:

- + Tổ chức Đại hội Chi đoàn trường nhiệm kỳ 2024 - 2025. Kết hợp hỗ trợ các hoạt động dạy học. Tổ chức tuyên truyền “Ngày Pháp luật”, “Tiết học Pháp luật”, Biển đảo cho học sinh các khối lớp.

- + Tổ chức “Thắp nến tri ân” Nhà tù Phú Lợi, dọn vệ sinh Đài Liệt sĩ, thăm tặng quà cho Hội Cựu chiến binh và các đơn vị quân sự trú đóng trên địa bàn phường nhân ngày QĐND Việt Nam 22/12.

- * Đội TNTP HCM: Xây dựng chương trình hành động cho năm học, tổ chức đại hội liên đội. Hỗ trợ các hoạt động dạy học và bán trú.

- Tham gia thi các phong trào do Hội đồng đội Thành phố tổ chức. Vận động

quyên góp chương trình “Mùa Xuân cho em” năm 2025.

- Ủng hộ “Trái tim không tật nguyền” do Trung tâm nghệ thuật tình thương bồi dưỡng tài năng trẻ thành phố Đà Nẵng biểu diễn”: 23.086.000 đồng.

Kết quả đạt được trong các phong trào, hội thi:

*** Tập thể:**

- Giấy khen Tập thể Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 của Đảng ủy phường.

- Tập thể đạt Giải Ba Hội thi “Hương sắc nhà giáo-Kết nối yêu thương” hoạt động chào mừng 20.11.

- Giải Ba “Ảnh đẹp online, chủ đề Thầy và Trò dưới cánh hoa dầu” cấp thành phố

- Giải Nhì cuộc thi Dân vũ chào mừng kỉ niệm 49 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

*** Giáo viên:**

- Giấy khen Giáo viên trẻ tiêu biểu tỉnh Bình Dương năm 2024

- Giấy khen đạt giải Khuyến khích Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi cấp tỉnh, giải Nhì Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi cấp Thành phố, giải Ba Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi phường Phú Lợi.

- Giấy khen đạt giải Ba cuộc thi sách nói cấp thành phố

*** Học sinh:**

+ Kết quả cuối HK1 của học sinh: (Bản đính kèm)

+ Các hoạt động phong trào:

- Giải C Hội thi “Giải thưởng Mĩ thuật thiếu nhi” TPTDM lần thứ XV – Năm 2024.

- Giải Ba Song tam ca, giải Ba múa, giải Ba toàn đoàn Hội diễn văn nghệ Hoa phượng đỏ hè 2024.

- Giải Ba kể chuyện theo sách hè 2024

- Giải Khuyến khích cuộc thi “Cúp Tiếng Anh mở rộng”

- Liên đội đạt 2 giải Khuyến Khích Hội thi ảnh đẹp “Hoa nắng sân trường” và sáng tạo “Trí ân thầy cô” cấp thành phố.

- HS tham gia sân chơi “Trạng Nguyên Tiếng Việt” vòng 7 cấp trường ngày 09/12. Kết quả: 2 giải Nhất, 8 giải Nhì, 7 giải Ba, 13 giải KK.

- Hs tham gia thi “Tiếng Anh IOE” vòng trường. Kết quả: Nguyễn Thiện Phúc – 5/5 giải Nhất toàn Tỉnh và giải Ba khối 5 toàn quốc, Nguyễn Gia Bảo – 5/5 giải KK khối 5 toàn tỉnh.

Chi bộ nhà trường năng động trong chỉ đạo, điều hành hoạt động của Nhà trường, luôn có kế hoạch bồi dưỡng đảng viên, quần chúng trở thành những cá nhân có phẩm chất chính trị đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ tốt, số lượng đảng viên của chi bộ trường tăng lên hàng năm, đến nay đã có 26 đảng viên. Chi bộ Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2024.

Chính quyền và đoàn thể nhà trường phối hợp tốt trong việc thực hiện các cuộc vận động của ngành nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Phối hợp tốt với chính quyền địa phương để thực hiện nhiệm vụ của ngành.

Công tác xã hội hóa giáo dục cũng được Nhà trường quan tâm.

- Các hoạt động xã hội hóa tiêu biểu:
 - Tặng 14 thẻ BHYT năm 2025 cho 14 học sinh có hoàn cảnh khó khăn.
 - Tặng quà ngày Khai giảng cho 33 học sinh.
 - Tặng quà Trung thu cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn
 - Tặng quà Giáng sinh cho học sinh toàn trường.
 - Tổ chức chương trình "Xuân yêu thương" mua bao lì xì gây quỹ tặng quà tết cho 33 học sinh có hoàn cảnh khó khăn.
 - Thực hiện chương trình "Trường học xanh", trồng mới 100 chậu cây xanh trong khuôn viên, nhà vệ sinh của trường.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Phú Lợi 2./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.



Võ Thị Thanh Tuyền

